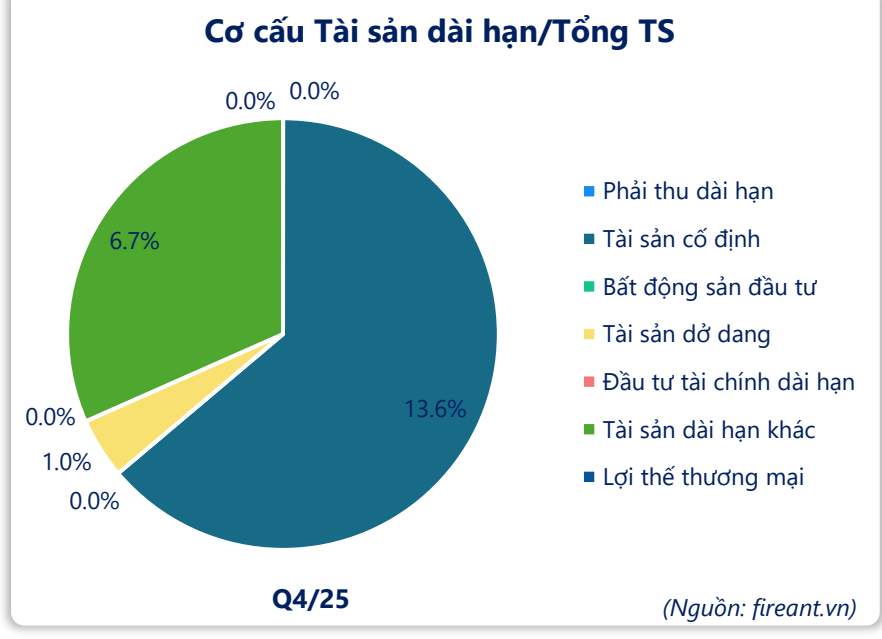
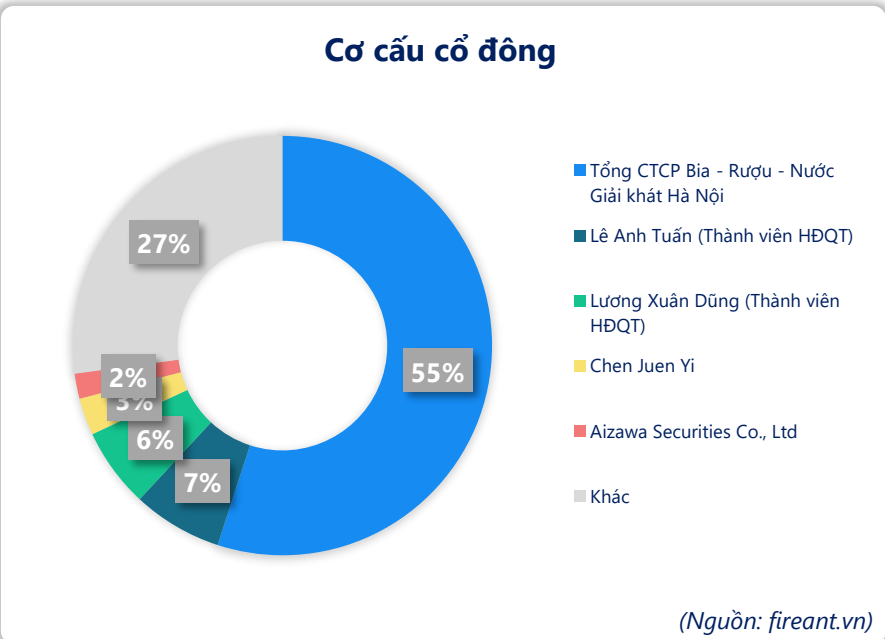
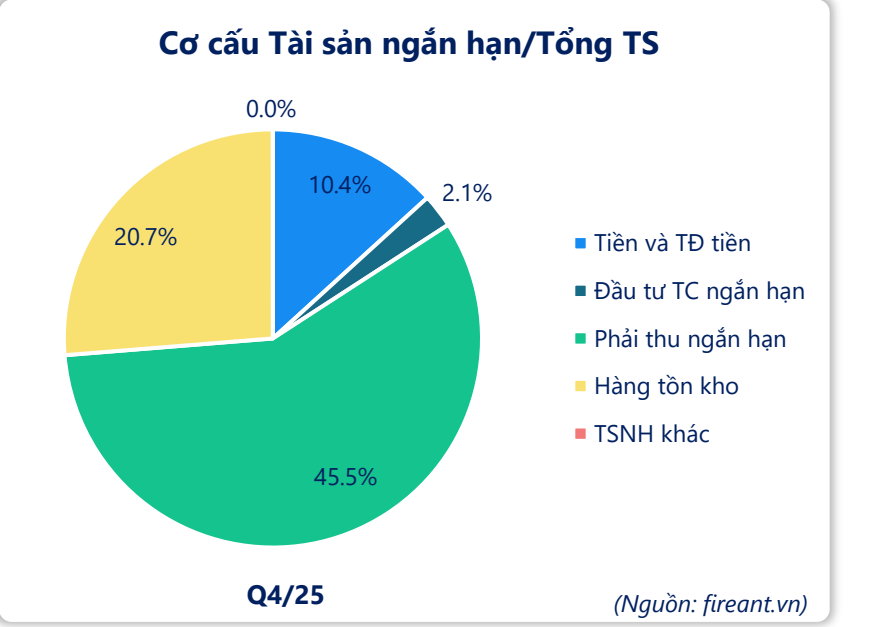
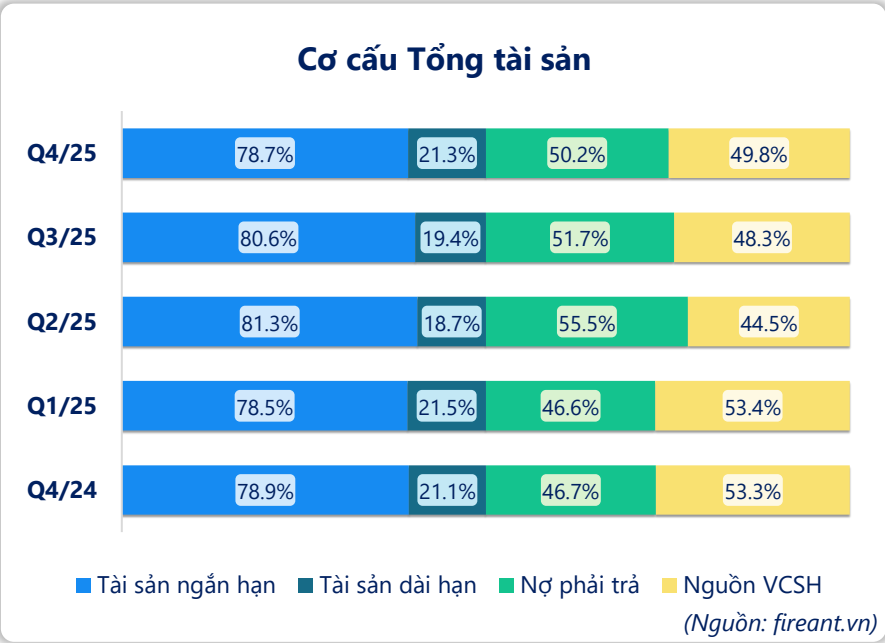
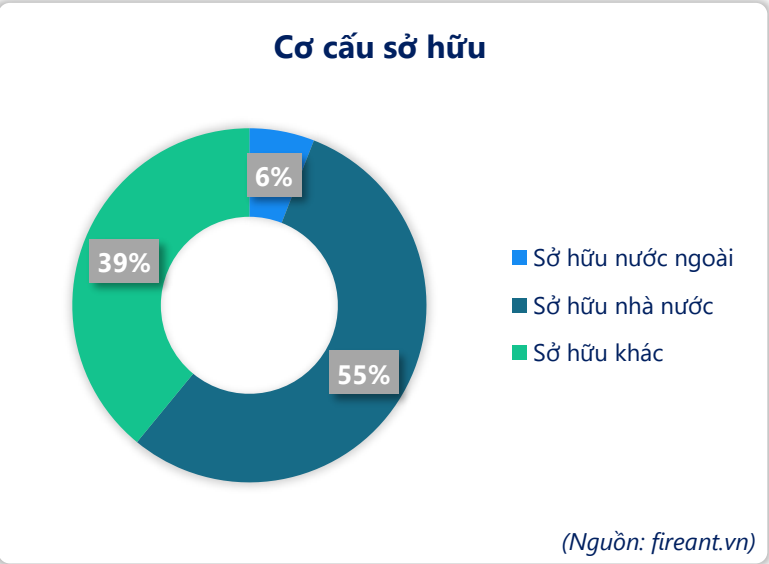
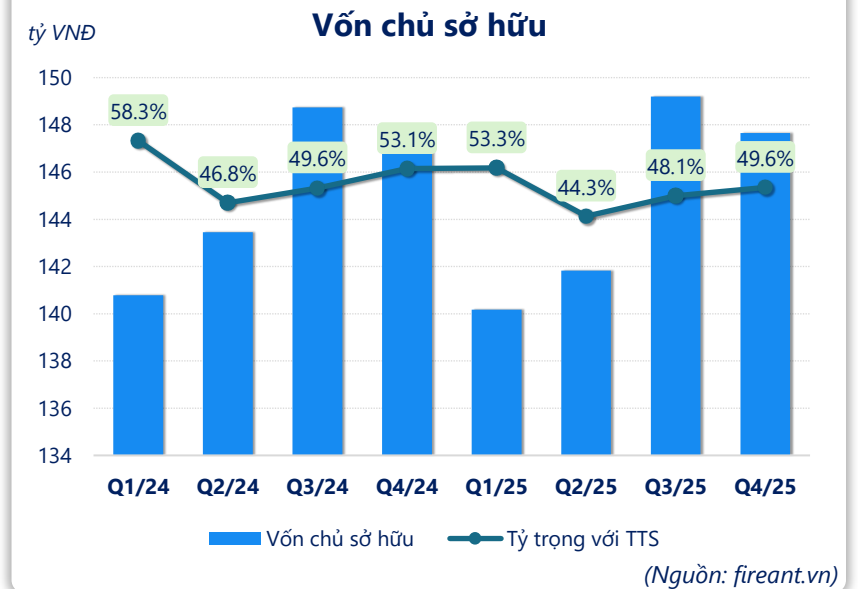
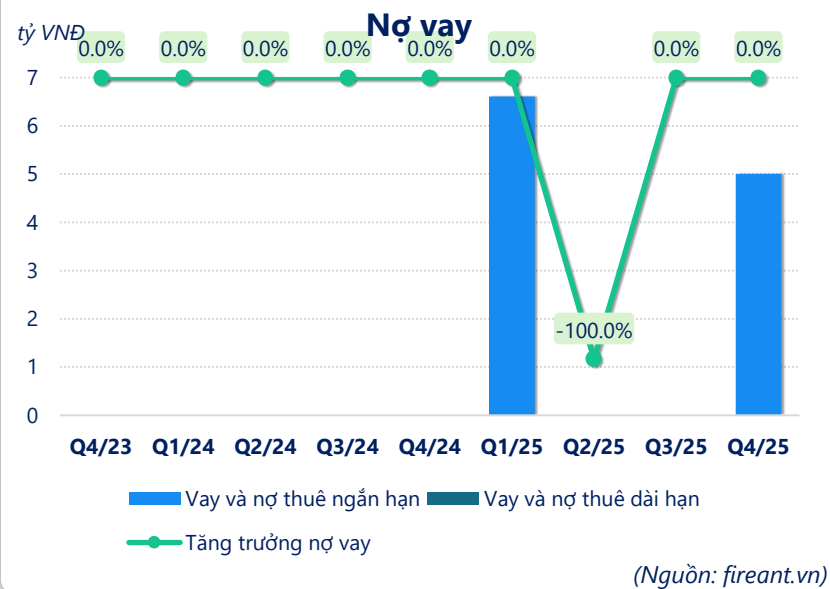
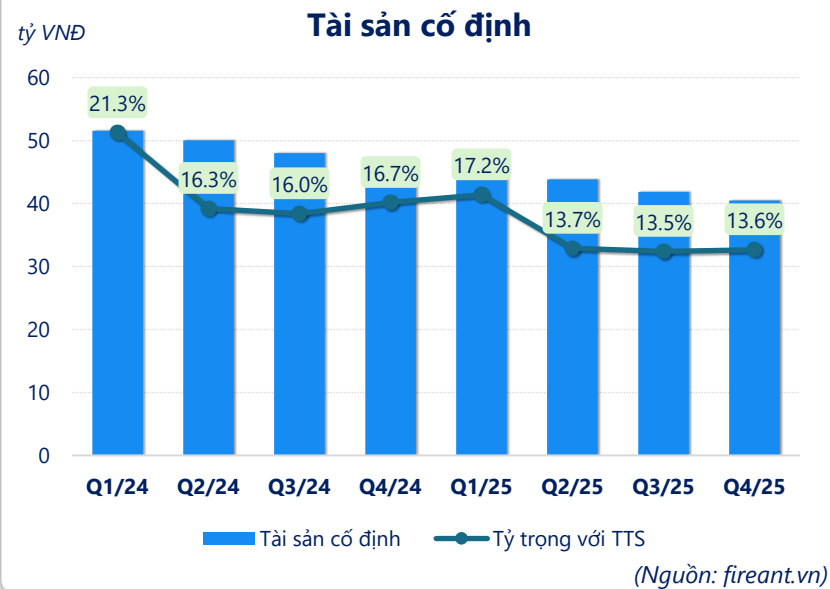
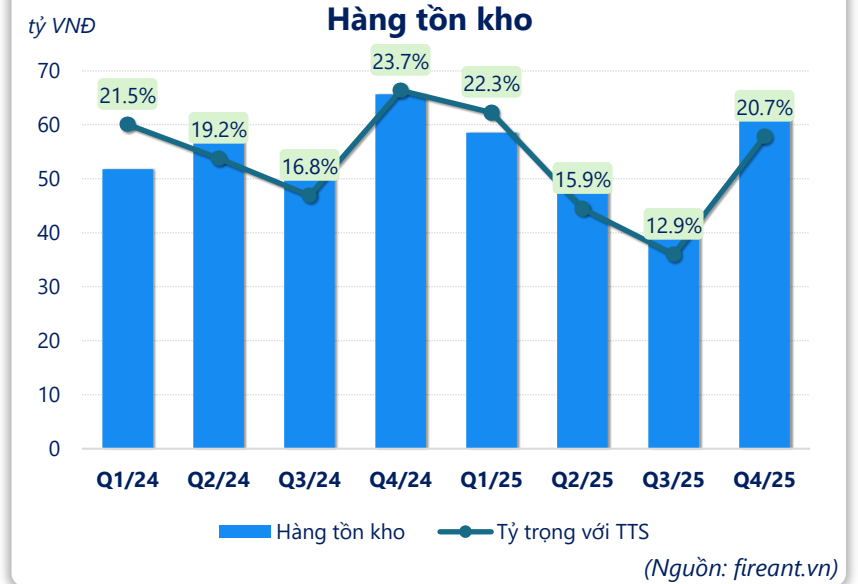
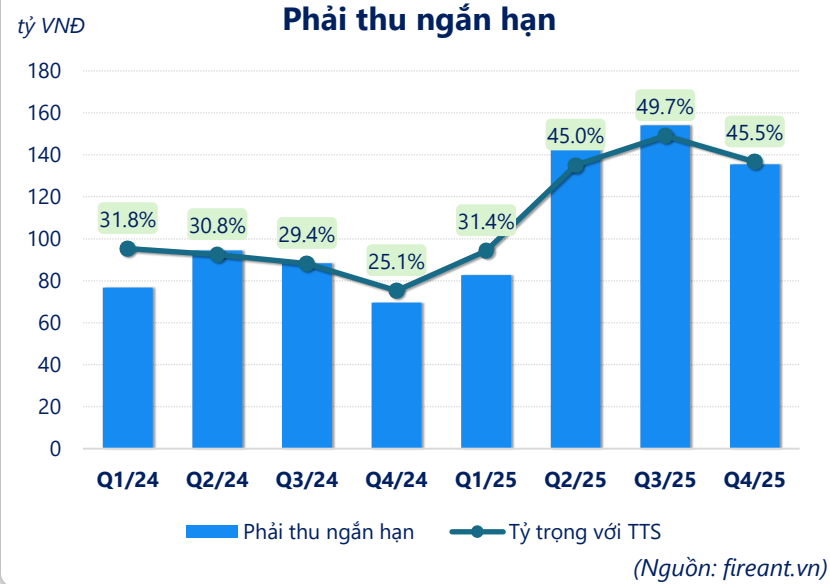
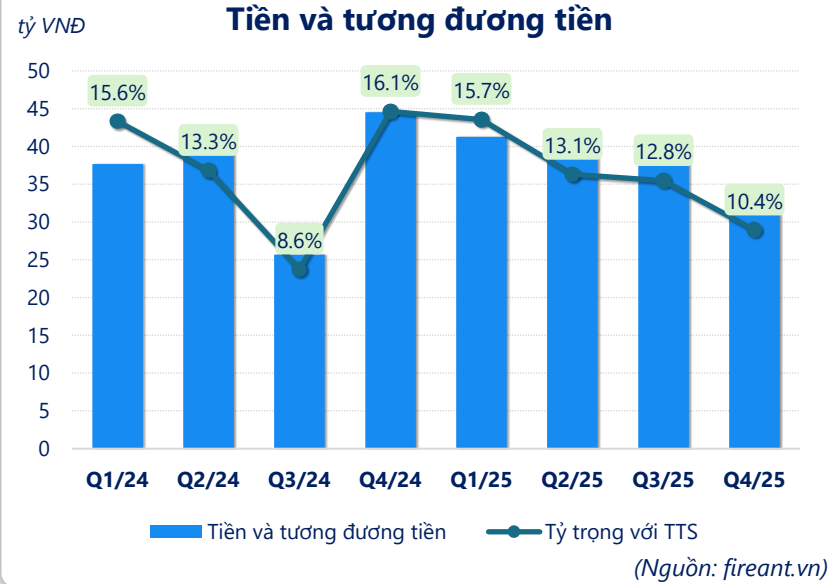
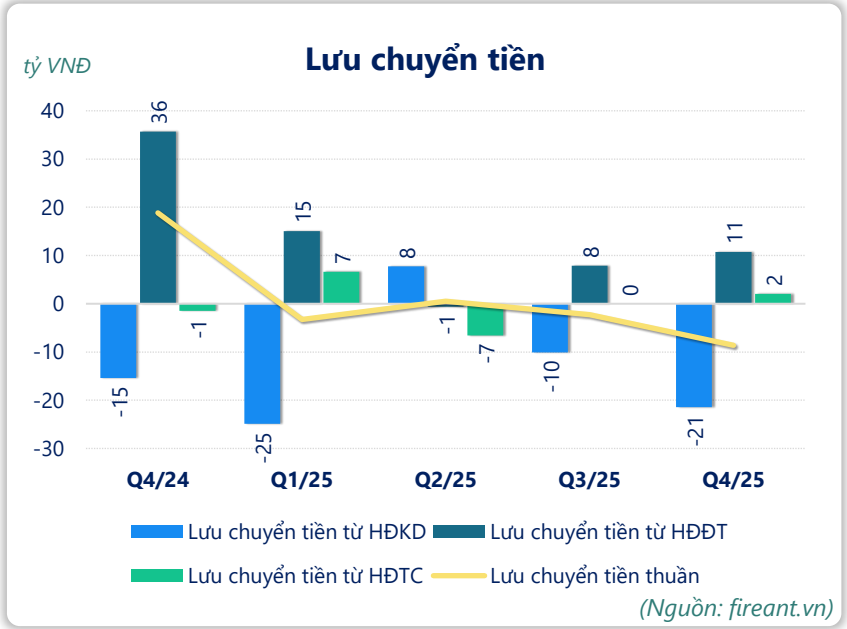
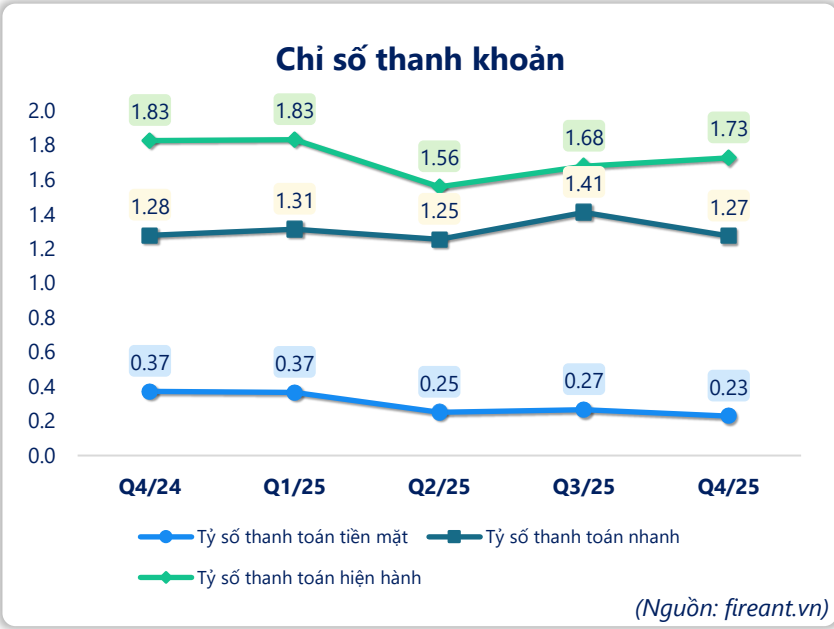
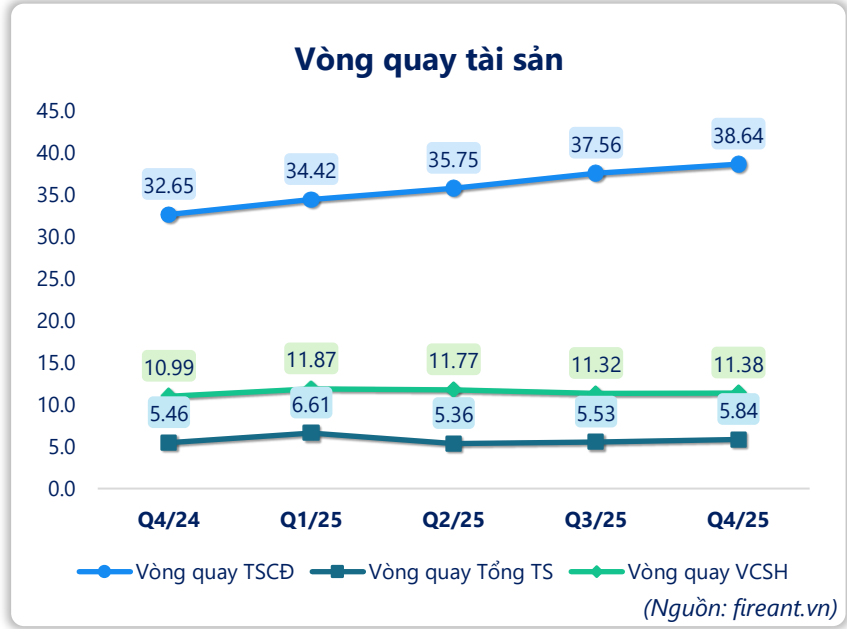
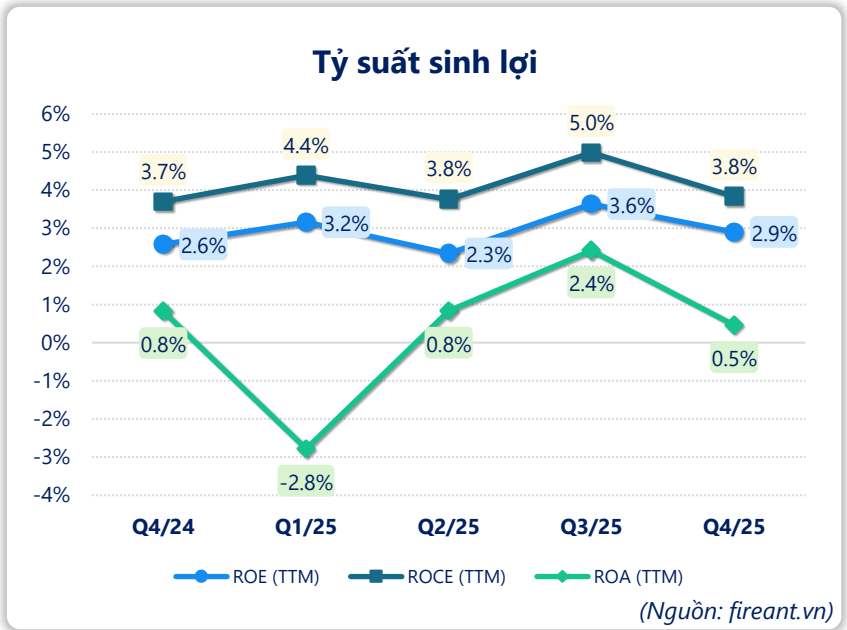
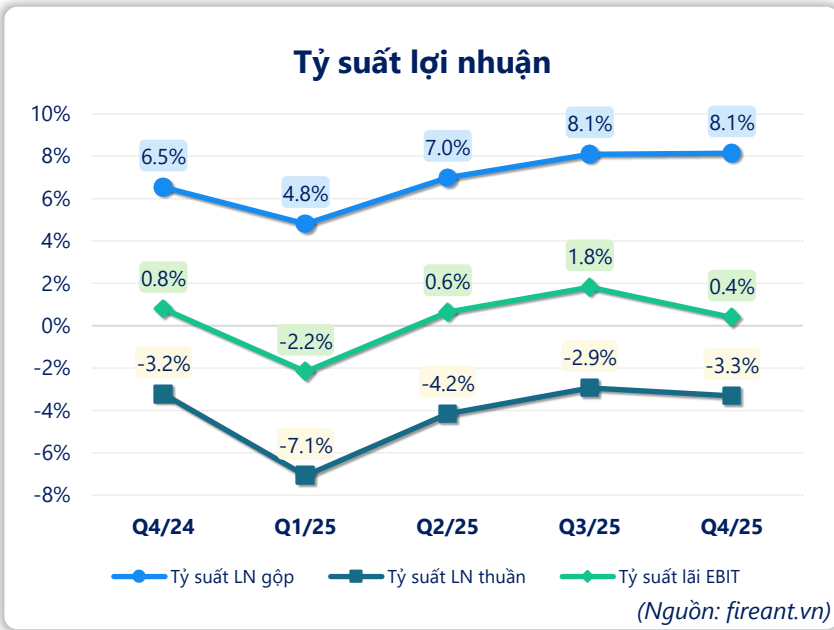
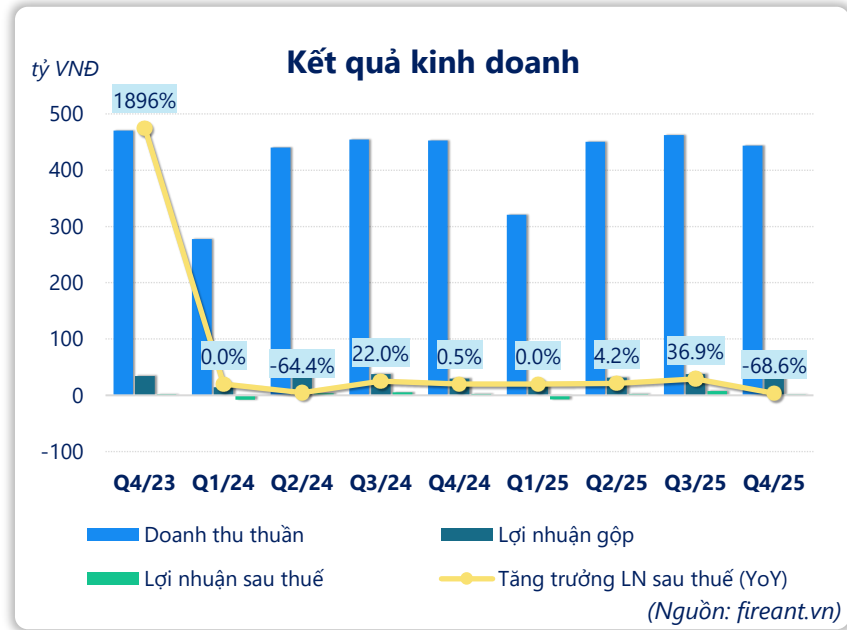


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,005
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,200
SL cổ phiếu LH		11,424,570
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,180
% sở hữu nước ngoài		5.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		105
P/E		24.5
EPS		375

	YTD	1T	3T	6T
THB	-18.3%	5.7%	-14.0%	-6.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	297	280	6.2%
Tài sản ngắn hạn	234	222	5.6%
Tiền và tương đương tiền	31.0	44.5	-30.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.10	38.1	-84.0%
Phải thu ngắn hạn	135	72.5	86.8%
Hàng tồn kho	61.5	65.7	-6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.72	-98.1%
Tài sản dài hạn	63.4	58.5	8.4%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	40.5	46.4	-12.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.88	1.35	113%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	20.1	10.8	86.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	149	132	12.8%
Nợ ngắn hạn	136	123	10.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.00	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.6	6.58	107%
Nợ dài hạn	13.8	9.86	40.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	148	148	0.3%
Vốn chủ sở hữu	148	147	0.3%
Vốn điều lệ	114	114	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.39	0.39	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	453	321	451	463	443
Giá vốn hàng bán	423	305	419	425	407
Lợi nhuận gộp	29.6	15.4	31.5	37.5	36.1
Doanh thu HĐTC	0.79	0.31	0.25	0.39	0.23
Chi phí TC	0.02	0	0.06	0	0.06
Chi phí lãi vay	0.02	0	0.06	0	0.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	32.8	29.5	38.6	39.3	41.7
Chi phí QLDN	12.2	8.98	11.8	12.1	9.25
LN thuần từ HĐKD	-14.6	-22.7	-18.7	-13.6	-14.7
Lợi nhuận khác	18.2	15.8	21.6	22.0	16.4
LN trước thuế	3.58	-6.95	2.84	8.42	1.68
Lợi nhuận sau thuế	2.45	-7.02	2.62	7.37	1.32
LNST của CĐ cty mẹ	2.45	-7.02	2.62	7.37	1.32

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.4	-24.9	7.75	-10.1	-21.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	35.7	15.0	-0.60	7.87	10.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.46	6.60	-6.60	0	2.05
Tiền đầu kỳ	25.7	44.5	41.3	41.8	39.6
Lưu chuyển tiền thuần	18.8	-3.23	0.54	-2.24	-8.61
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	44.5	41.3	41.8	39.6	31.0

(Nguồn: fireant.vn)